



ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI GIAN CHỜ LỌC RỬA TINH TRÙNG VÀ THỜI GIAN CẤY SAU LỌC RỬA ĐẾN TỈ LỆ THAI LÂM SÀNG CỦA BƠM TINH TRÙNG VÀO BUỒNG TỬ CUNG

CN. Nguyễn Thị Liên Thi¹, CN. Trang Thanh Nhã², ThS. Dương Duy Tuyền¹, KTV. Nguyễn Thị Mai¹

¹IVF Mỹ Đức, Bệnh viện Mỹ Đức

²IVF Mekong, Bệnh viện Quốc tế Phương Châu

ĐẶT VẤN ĐỀ

Kết quả của bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI) phụ thuộc vào nhiều yếu tố gồm các đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân và các yếu tố thuộc về kỹ thuật chuẩn bị tinh trùng. Trong kỹ thuật chuẩn bị tinh trùng, thời gian chờ trước lọc rửa và thời gian cấy sau lọc rửa đến khi IUI có thể điều chỉnh được và có thể có ảnh hưởng đến tỉ lệ thành công của IUI (Yavas, 2004; Fauque, 2014). Nghiên cứu này khảo sát ảnh hưởng của thời gian chờ trước lọc rửa và thời gian cấy sau lọc rửa đến tỉ lệ thai lâm sàng của IUI.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đoàn hệ hồi cứu trên 437 chu kỳ IUI tại Bệnh viện Mỹ Đức từ tháng 04/2014 đến tháng 07/2014. Bệnh nhân được kích thích buồng trứng bằng hMG hoặc FSH tái tổ hợp, lọc rửa tinh trùng bằng phương pháp ly tâm thang nồng độ và thực hiện IUI sau khi tiêm hCG 36-40 giờ. Yếu tố đánh giá kết quả là thai lâm sàng / chu kỳ.

KẾT QUẢ

Bảng 1. So sánh nhóm có thời gian chờ trước lọc rửa $T_0 > 60$ phút và ≤ 60 phút

Đặc điểm	≤ 60 phút n=386	> 60 phút n=51	p
Tuổi vợ	29 (27 - 32)	30 (27 - 32)	0,752
Độ dày nội mạc tử cung (mm)	10,5 (9,5 - 12,0)	10,5 (9,0 - 12,5)	0,903
Số nang có kích thước ≥ 14 mm	1 (1 - 2)	1 (1 - 3)	0,895
Tổng tinh trùng di động sau lọc rửa ($\times 10^6$ tinh trùng)	6,6 (4,8 - 12,0)	6,0 (3,3 - 11,4)	0,974
Tỉ lệ thai lâm sàng (n, %/chu kỳ)	91 (23,6%)	7 (13,7%)	0,113

Bảng 2. So sánh nhóm có thời gian cấy sau lọc rửa $T_2 \leq 15$ phút và $T_2 > 15$ phút

Đặc điểm	≤ 15 phút n=123	> 15 phút n=243	p
Tuổi vợ	29 (27 - 32)	30 (27 - 32)	0,779
Độ dày nội mạc tử cung (mm)	11,0 (10,0 - 12,5)	10,5 (9,0 - 12,0)	0,594
Số nang có kích thước ≥ 14 mm	1 (1 - 2)	1 (1 - 3)	0,125
Tổng tinh trùng di động sau lọc rửa ($\times 10^6$ tinh trùng)	6,6 (4,8 - 10,6)	6,0 (4,8 - 12,0)	0,895
Tỉ lệ thai lâm sàng (n, %/chu kỳ)	38 (28,8 %)	60 (19,7%)	0,036

Số liệu được biểu diễn trung vị (phân vị 25%-75%) hoặc tỷ lệ % cho tần số. Giá trị p được tính bằng Mann-Whitney U test. So sánh tỷ lệ thai lâm sàng giữa hai nhóm bằng Chi bình phương test. $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê.

Tỷ lệ thai lâm sàng là 22,4% (98/437). Nhóm có thời gian chờ trước khi lọc rửa $T_0 \leq 60$ phút có tỷ lệ thai lâm sàng không khác biệt so với nhóm $T_0 > 60$ phút (23,6% và 13,7%, $p=0,113$). Tỷ lệ thai lâm sàng của nhóm có thời gian cấy sau lọc rửa $T_2 \leq 15$ phút cao hơn đáng kể so với $T_2 > 15$ phút (28,8% và 19,7%, $p=0,036$).

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian chờ trước lọc rửa không có ảnh hưởng đến tỉ lệ thai lâm sàng nhưng thời gian cấy tinh trùng sau lọc rửa có ảnh hưởng đến tỉ lệ thai lâm sàng của IUI. Nghiên cứu cần tiếp tục thực hiện với thiết kế tiến cứu và loại trừ ảnh hưởng của các yếu tố khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dalzell LH, McVicar CM, McClure N, Lutton D, Lewis SE (2004). Effects of short and long incubations on DNA fragmentation of testicular sperm. Fertil Steril; 82:1443-1445.
- Fauque P, Leher P, Lamotte M, Bettahar-Lebugle K, Bailly A, Diligent C, Clédat M, Pierrot P, Guénédal ML, Sagot P (2014). Clinical success of intrauterine insemination cycles is affected by the sperm preparation time. Fertil Steril; 101(6):1618-1623.

